

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 263/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn chi tiết khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 45, khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 3 Điều 50, khoản 2 Điều 54, khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 55 và khoản 2, khoản 4 Điều 56 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thành lập doanh nghiệp là việc tổ chức khoa học và công nghệ công lập góp 100% vốn điều lệ thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định pháp luật doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức.

2. Tham gia thành lập doanh nghiệp là việc tổ chức khoa học và công nghệ công lập tham gia góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quy định pháp luật doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức.

3. Góp vốn vào doanh nghiệp là việc tổ chức khoa học và công nghệ công lập tham gia góp thêm vốn điều lệ vào công ty đã được thành lập theo quy định của pháp luật doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là tập hợp các hoạt động, nhiệm vụ, cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ, được thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo ra kết quả, hiệu quả cụ thể, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Tác giả là người trực tiếp đóng góp vào nội dung khoa học, công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo của công trình; trong trường hợp có hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo ra công trình thì họ là đồng tác giả.

6. Công bố công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là việc đưa công trình ra trước công chúng qua các kênh thông tin chính thống dưới dạng xuất bản, thuyết trình, trưng bày, trình diễn và các hình thức khác theo quy định.

7. Ứng dụng công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là sử dụng công trình trong thực tiễn nhằm phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

Chương II

CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Điều 4. Đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của Nghị định này gồm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ) gồm: Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục thuộc bộ; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cục và tổ chức tương đương cục thuộc bộ; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm: Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Chương II của Nghị định này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện công lập.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; thuộc cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện; thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được áp dụng các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1. Thực hiện quyền tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định của mình; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được Nhà nước giao và các nguồn lực khác của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập không được sử dụng để bù đắp thua lỗ từ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết. Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết phải được hạch toán, theo dõi riêng với nguồn ngân sách nhà nước.

3. Thực hiện công khai và dân chủ trong các hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Cơ chế tự kiểm soát trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm thiết lập, duy trì và tổ chức thực hiện cơ chế tự kiểm soát nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nội dung tự kiểm soát bao gồm:

a) Việc xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Việc quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị, phòng thí nghiệm;

d) Việc chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Hoạt động phối hợp nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; liên doanh, liên kết; hợp tác quốc tế và thực hiện nhiệm vụ được giao;

e) Thực hiện các nội dung liên quan đến liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, quyền sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu nghiên cứu theo quy định.

3. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập chịu trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế tự kiểm soát phù hợp với mô hình hoạt động của tổ chức.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải bố trí bộ phận hoặc cá nhân hoặc thuê tư vấn, kiểm toán độc lập thực hiện nội dung nêu tại khoản 2 Điều này.

5. Hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập lập báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự kiểm soát, công khai trong tổ chức và gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

6. Kết quả thực hiện cơ chế tự kiểm soát là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm cá nhân có liên quan.

7. Kinh phí thực hiện cơ chế tự kiểm soát được bố trí từ kinh phí chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Mục 2

TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Điều 7. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và chủ trương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ vào văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu tổ chức phê duyệt theo quy định.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm tại tổ chức, trong đó số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quy chế hoạt động nội bộ

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành liên quan có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động nội bộ để làm căn cứ thực hiện các hoạt động của tổ chức;

b) Quy chế hoạt động nội bộ phải được thảo luận dân chủ, công khai trong tổ chức, có sự thống nhất của tổ chức công đoàn (nếu có);

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Quy chế hoạt động nội bộ, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản về các nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có);

d) Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành Quy chế hoạt động nội bộ để triển khai thực hiện; đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện và Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

5. Quy chế hoạt động nội bộ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Quy định chi tiêu nội bộ: quy định chế độ chi tiêu của tổ chức, quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước;

b) Quy định tiền lương, thu nhập và khen thưởng;

c) Quy định quản lý, sử dụng tài sản công;

- d) Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- đ) Quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế;
- e) Quy định phân chia lợi nhuận từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Quy định về việc thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- h) Nội quy hoạt động của tổ chức;
- i) Các quy định nội bộ khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh dịch vụ; các quỹ trích lập theo quy định được gửi tiền tại ngân hàng thương mại để quản lý. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có).

7. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng con dấu của đơn vị cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có phòng, ban hoặc viên chức chuyên trách về công tác tổ chức, cán bộ được quyết định việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và người lao động của tổ chức theo quy định.
2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn trong thời gian tối đa 36 tháng.

Điều 9. Nhân sự đồng cơ hữu trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Nhân sự đồng cơ hữu là nhân lực khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài đến làm việc định kỳ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo vị trí việc làm tại tổ chức, được tính là nhân sự chính thức của cả cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Nhân sự đồng cơ hữu phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Hình thức ghi nhận nhân sự đồng cơ hữu

a) Hợp đồng lao động xác định thời hạn;

b) Nhân sự đồng cơ hữu được ghi tên trong quyết định thành lập nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, đơn vị chuyên môn hoặc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Được ghi nhận trong hồ sơ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, báo cáo nhân sự và các hồ sơ đăng ký nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức như một nhân sự chính thức của tổ chức.

4. Quyền và nghĩa vụ của nhân sự đồng cơ hữu

a) Được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách của nhân sự chính thức tại cơ sở giáo dục đại học; đồng thời được hưởng quyền lợi theo hợp đồng ký kết với tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên cơ sở chính sách, chế độ của vị trí việc làm cơ hữu của tổ chức và tính theo thời gian làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Được xem xét đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định pháp luật. Trường hợp nhân sự đồng cơ hữu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thì được xem xét bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà không nhất thiết bảo đảm điều kiện về độ tuổi, chức danh quy hoạch, trình độ lý luận chính trị, thời gian giữ chức vụ liên kế;

c) Được hưởng quyền lợi và thực hiện trách nhiệm đối với các kết quả nghiên cứu hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của tổ chức;

d) Có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuân thủ quy chế hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cam kết đóng góp chuyên môn trong thời gian là nhân sự đồng cơ hữu của tổ chức;

đ) Không bị ràng buộc về thời gian làm việc cố định trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng.

5. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

a) Xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn và quản lý nhân sự đồng cơ hữu của tổ chức;

b) Bảo đảm điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và cơ chế đãi ngộ tương xứng cho nhân sự đồng cơ hữu phù hợp với khả năng tài chính và quy chế hoạt động của tổ chức;

c) Ghi nhận kết quả đóng góp của nhân sự đồng cơ hữu trong báo cáo chuyên môn, kết quả nhiệm vụ, cũng như trong đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức;

d) Có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục đại học để thực hiện các chính sách đối với nhân sự đồng cơ hữu, bao gồm cả công tác quản lý hồ sơ, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện các nghĩa vụ trích nộp các khoản theo lương theo quy định của pháp luật.

Mục 3

TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH

Điều 10. Nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Nguồn ngân sách nhà nước

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được ngân sách nhà nước cấp kinh phí theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp

a) Thu từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Thu từ cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn thu phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

4. Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 11. Chi thường xuyên giao tự chủ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động sử dụng các nguồn tài chính gồm: kinh phí chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ

công tác thu phí) và khoản 4 (phần được sử dụng để chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền thù lao của viên chức và người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập) Điều 10 của Nghị định này để chi thường xuyên.

2. Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và cam kết kết quả đầu ra và được quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức.

3. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo mức chi tương xứng với nhiệm vụ được giao, trên cơ sở mức chi trả thực tế trên thị trường và khả năng tài chính của tổ chức.

4. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

a) Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn địa phương của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi theo quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ;

b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng mức chi phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

6. Chi thực hiện các hoạt động dịch vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh; chi thực hiện liên doanh, liên kết.

7. Chi thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Trích lập các khoản dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức (nếu có).

9. Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 12. Chi thường xuyên không giao tự chủ

Chi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập không bao gồm chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên của tổ chức theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 13. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Chuyển toàn bộ phần tiết kiệm từ phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (bao gồm: lương và các khoản đóng góp có tính chất lương; hoạt động bộ máy; chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức) và toàn bộ kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập từ kinh phí nhà nước bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập vào Quỹ bổ sung thu nhập của tổ chức.

2. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

3. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ không bao gồm kinh phí nhà nước bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng theo thứ tự như sau:

a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tối thiểu 10%;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Ưu tiên trích lập từ phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có) và theo quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Tổng hai quỹ tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

4. Sử dụng các Quỹ

a) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản có liên quan;

b) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại; chi nộp tiền thuê đất, thuê trụ sở phục vụ hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định (đối với trường hợp nguồn chi thường xuyên không đảm bảo chi nộp tiền thuê đất và thuê trụ sở); phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong tổ chức; chi tuyển dụng người lao động, đãi ngộ nguồn nhân lực; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chi trả cho cơ quan, đơn vị cấp trên một phần chi phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phụ trợ dùng chung; chi phí bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và các chi phí quản lý chung khác (mức cụ thể theo hướng dẫn của cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên và thực tế nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của tổ chức) và các khoản chi khác được quy định trong quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức.

Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư xây dựng, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc được thực hiện theo quy định pháp luật đầu tư công, pháp luật đấu thầu, quản lý tài sản công và các quy định khác có liên quan. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư xây dựng, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc đối với những nội dung chi không thuộc quy định pháp luật đầu tư công;

c) Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập trong những năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và kết quả đầu ra;

d) Quỹ khen thưởng: Để thưởng cuối năm, thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài tổ chức theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của tổ chức. Mức thưởng theo quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức;

đ) Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động trong tổ chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho viên

chức, người lao động thực hiện tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện; giải quyết chế độ, chính sách khi chấm dứt hợp đồng lao động và các khoản chi khác được quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức;

e) Quỹ khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại Điều này và sử dụng các quỹ do người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định theo Quy chế hoạt động nội bộ, phù hợp với quy định pháp luật liên quan và phải công khai trong tổ chức.

Điều 14. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tiền lương và thu nhập

1. Nguồn kinh phí chi tiền lương và thu nhập cho viên chức và người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm:

a) Tiền lương và các khoản đóng góp có tính chất lương được ngân sách Nhà nước cấp hằng năm cho tổ chức;

b) Kinh phí từ công lao động của viên chức, người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức đó chủ trì;

c) Kinh phí từ tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương, thù lao cho viên chức, người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập từ tài trợ, viện trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho tổ chức theo các thỏa thuận và quy định liên quan;

d) Quỹ bổ sung thu nhập;

đ) Toàn bộ số dư nguồn cải cách tiền lương chưa sử dụng (nếu có);

e) Thu từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có);

g) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Tiền lương và thu nhập cho viên chức, người lao động do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chi trả:

a) Lương cơ bản chi từ nguồn kinh phí quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, gồm lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định pháp luật về tiền lương;

b) Lương tự chủ của tổ chức được chi từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b, c, d, g khoản 1 Điều này;

c) Thu nhập tăng thêm cho viên chức và lao động hợp đồng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập chi từ Quỹ bổ sung thu nhập của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức;

d) Thu nhập cho viên chức và người lao động của tổ chức là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thương mại hóa được chi từ nguồn kinh phí quy định tại điểm e khoản 1 Điều này theo cam kết của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Lương tự chủ của tổ chức được chi theo các nội dung sau:

a) Các khoản hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, bao gồm: tiền hỗ trợ xăng xe, tiền hỗ trợ điện thoại, hỗ trợ ăn trưa và các khoản hỗ trợ hợp pháp khác được chi trả theo Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức;

b) Lương theo chức danh được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, chức danh được giao, nhiệm vụ được giao để bảo đảm thu nhập tương xứng với số lượng, chất lượng và kết quả đầu ra;

c) Lương khuyến khích nhằm động viên, khích lệ, ghi nhận viên chức, người lao động làm việc chăm chỉ, trách nhiệm, năng suất, hiệu quả. Tiêu chí đánh giá, cách thức thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nội bộ;

d) Các khoản hỗ trợ không định kỳ được chi trả để động viên viên chức, người lao động nhân dịp các ngày lễ trong năm.

Mục 4

TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 15. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hợp tác quốc tế

1. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc cử viên chức, người lao động tham dự hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo, nghiên cứu khảo sát, trao đổi học thuật và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài phù hợp với định hướng phát triển của tổ chức và theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động đối ngoại.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực và các hoạt động chuyên môn khác tại tổ chức theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động nội bộ.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài; chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc tham gia trực tiếp vào hoạt động chuyên môn tại tổ chức theo quy định của pháp luật. Việc thuê chuyên gia phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm tiêu chuẩn năng lực, phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của tổ chức.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền ký hợp đồng thực hiện dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các cơ quan, tổ chức nước ngoài thông qua đặt hàng, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về huy động vốn và vay vốn tín dụng

1. Nguyên tắc chung

a) Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn, trong đó phải thiết lập giới hạn tỷ lệ nợ trên tổng doanh thu, thực hiện thẩm định rủi ro độc lập với khoản vay lớn, các phương án xử lý rủi ro, giải quyết xung đột lợi ích giữa các bên tham gia góp vốn; tự chịu trách nhiệm trả nợ, cả gốc và lãi tiền vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập không được sử dụng tài sản công để thế chấp vay vốn theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan;

c) Các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng, huy động vốn phải thực hiện theo quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, dân chủ trong tổ chức;

d) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được huy động vốn, vay vốn để thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có hoạt động dịch vụ được vay vốn của tổ chức tín dụng, được huy động vốn của viên chức, người lao động trong tổ chức để đầu tư mở rộng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất hiện có; mua bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng và tăng quy mô hoạt động của tổ chức, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định của pháp luật. Trình tự thủ tục, thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc huy động vốn của viên chức, người lao động trong tổ chức được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật từ nguồn tài chính của tổ chức, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

Điều 17. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng tài sản công và liên doanh, liên kết

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền chủ động thực hiện hoạt động liên doanh, liên kết để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo dưới các hình thức:

- a) Thành lập doanh nghiệp;
- b) Tham gia thành lập doanh nghiệp;
- c) Tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.

2. Việc thực hiện liên doanh, liên kết quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại Chương III của Nghị định này.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết này phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập không được sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để bù đắp rủi ro, thua lỗ từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết, thành lập doanh nghiệp.

4. Phân chia kết quả thu được từ hoạt động liên doanh, liên kết: số tiền thu được từ kết quả phân chia của hoạt động liên doanh, liên kết của tổ chức khoa học và công nghệ công lập sau khi chi trả các chi phí lãi vay, chi phí thuê tài sản đem đi góp vốn (nếu có); phần thu nhập được chia còn lại của tổ chức được quản lý và sử dụng theo Đề án liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện vay vốn, huy động vốn hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), việc triển khai phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

6. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện liên doanh, liên kết phải thực hiện chế độ báo cáo, giám sát theo quy định.

Mục 5

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP ĐẶC THÙ

Điều 18. Cơ chế đặc thù về tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định chung áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đồng thời được hưởng một số cơ chế đặc thù như sau:

1. Được Nhà nước bảo đảm hoàn toàn kinh phí chi thường xuyên, chi thực hiện nhiệm vụ và chi đầu tư nhằm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao theo thời kỳ ổn định 5 năm hoặc theo thời gian ký kết với đối tác nước ngoài.

2. Kinh phí hỗ trợ bảo đảm chi thường xuyên được cấp trên cơ sở đề xuất của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù để chi trả lương, các khoản trích theo lương và các khoản phụ cấp theo quy định, thu nhập tăng thêm cho số lượng người làm việc, kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù và kinh phí cần thiết để duy trì hoạt động ổn định, phù hợp với tính chất, quy mô và định hướng phát triển của tổ chức.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù sử dụng ngân sách nhà nước chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 19. Cơ chế đặc thù về tổ chức bộ máy đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy theo quy định chung áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đồng thời được hưởng một số cơ chế đặc thù như sau:

1. Được quyền chủ động quyết định việc thành lập các phòng chức năng, phòng chuyên môn, nhóm nghiên cứu và đơn vị trực thuộc phù hợp với định hướng chiến lược và nhu cầu phát triển của tổ chức mà không phụ thuộc vào định mức nhân sự, tổ chức bộ máy chung của đơn vị sự nghiệp công lập, hoặc theo quy định của Thỏa thuận ký kết với đối tác nước ngoài.

2. Được tổ chức theo mô hình quản trị đặc biệt với cơ chế hai lãnh đạo gồm:

a) Người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan chủ quản;

b) Giám đốc chuyên môn là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, được tổ chức khoa học và công nghệ công lập mời hoặc ký hợp đồng để điều hành hoạt động chuyên môn, học thuật của tổ chức.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù thành lập theo thỏa thuận với tổ chức quốc tế, quốc gia thực hiện mô hình quản trị theo thỏa thuận với tổ chức quốc tế, quốc gia.

Điều 20. Quy định đặc thù về biên chế và nhân sự đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và nhân sự theo quy định chung áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đồng thời được hưởng một số cơ chế đặc thù như sau:

1. Số lượng người làm việc tối thiểu là 05 người có trình độ đại học trở lên, làm việc theo chế độ chuyên trách, đồng cơ hữu, kiêm nhiệm; trong đó tối thiểu 50% có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động chính.

2. Người làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù có thể được bố trí làm việc theo các hình thức:

- a) Làm việc cơ hữu (toàn thời gian);
- b) Làm việc đồng cơ hữu (làm việc chính thức tại hai tổ chức);
- c) Làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;
- d) Làm việc theo hình thức biệt phái từ tổ chức khác.

Chương III

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THÀNH LẬP HOẶC THAM GIA THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP, THAM GIA GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP ĐỂ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 21. Đối tượng thực hiện thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này, không bao gồm tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở giáo dục đại học công lập, bệnh viện công lập.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; thuộc cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện; thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định về việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 22. Các loại tài sản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các loại tài sản sau để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp:

- a) Tiền từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- b) Tiền từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
- c) Tiền tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp với mục đích để góp vốn;
- d) Tiền từ quỹ khác được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật;
- đ) Quyền sở hữu trí tuệ mà tổ chức khoa học và công nghệ công lập là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- e) Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo mà tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Tài sản khác được phép sử dụng để góp vốn theo quy định pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng tài sản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp:

- a) Đảm bảo hoạt động đúng mục đích, chia sẻ lợi ích và rủi ro trong hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- b) Thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài sản theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch và tuân theo quy định của pháp luật;
- c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- d) Không sử dụng để góp vốn đối với sáng chế mật, đất đai và công trình an ninh, quốc phòng, tài sản khác có quy định không được sử dụng để góp vốn;
- đ) Việc sử dụng tài sản để góp vốn và xác định giá trị tài sản để góp vốn phải đảm bảo công khai, minh bạch và tuân theo quy định pháp luật;
- e) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định việc thành lập, tham gia thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định việc thành lập, tham gia thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của tổ chức theo quy định tại Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức sau khi có ý kiến đồng ý về chủ trương của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Điều 24. Đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện việc xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để công bố lấy ý kiến của viên chức, lao động hợp đồng làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập đó, hoàn thiện đề án và chịu trách nhiệm về nội dung đề án.

2. Nội dung đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp:

a) Cơ sở đề xuất, mục tiêu thực hiện đề án;

b) Thực trạng quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; tài sản trí tuệ, tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, tiền từ các quỹ và các nguồn khác của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tài sản hợp pháp khác tại tổ chức được sử dụng để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp;

c) Phương án sử dụng tài sản để góp vốn, tỷ lệ góp vốn, phương thức góp vốn, kế hoạch góp vốn, phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản để góp vốn, quyết định xác định giá trị tài sản để góp vốn;

d) Phương án đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phân tích tài chính, đánh giá rủi ro của phương án đầu tư, kinh doanh;

đ) Phương án phân chia kết quả thu được từ hoạt động liên doanh, liên kết;

e) Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp sẽ thành lập;

g) Tiêu chí xác định viên chức tham gia góp vốn; chế độ đối với viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo thỏa thuận giữa các bên liên quan; trách nhiệm của người có thẩm quyền cử viên chức, viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

h) Ý kiến đồng ý của cơ quan cấp trên trực tiếp trong trường hợp viên chức là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập được đề cử làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

i) Năng lực và nguồn lực của bên tham gia đầu tư thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thỏa thuận giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập và bên liên quan về trách nhiệm chia sẻ rủi ro, phân chia lợi ích; trách nhiệm hỗ trợ hoạt động của mỗi bên trong quá trình triển khai đề án; trách nhiệm đảm bảo hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trong đó quy định việc chấm dứt thỏa thuận sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong trường hợp bên liên quan không thực hiện đúng thỏa thuận;

k) Quyền, trách nhiệm của các bên có liên quan, phương án tổ chức triển khai thực hiện đề án;

l) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

3. Nội dung đề án tham gia góp vốn vào doanh nghiệp bao gồm các nội dung quy định tại các điểm a, c, đ, g, h, i, k, l khoản 2 Điều này.

Điều 25. Phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Sau khi đề án đã được công bố lấy ý kiến và hoàn thiện theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề án và chịu trách nhiệm về nội dung phê duyệt.

2. Nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp:

a) Việc thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp;

b) Loại hình doanh nghiệp, vốn điều lệ, các bên tham gia, các loại tài sản được sử dụng để thành lập hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp;

c) Tiêu chí xác định viên chức tham gia góp vốn; chế độ đối với viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định; trách nhiệm của người có thẩm quyền cử viên chức và viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

d) Phương án sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định này để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp, phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm, phương án phân chia rủi ro, lợi ích;

đ) Thẩm quyền quyết định cử, chấm dứt, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

e) Tỷ lệ góp vốn, phương thức góp vốn và kế hoạch góp vốn của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các bên liên quan; tỷ lệ góp vốn và điều kiện góp vốn dành cho viên chức của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Thỏa thuận giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập và bên liên quan quy định trách nhiệm của các bên và đảm bảo doanh nghiệp hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

h) Người được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án.

3. Sau khi đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp được phê duyệt, việc thành lập và đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 26. Viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp

1. Căn cứ nội dung phê duyệt đề án thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật ra quyết định cử viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp. Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Quyết định cử viên chức là người đại diện theo ủy quyền quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của viên chức được cử là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp căn cứ theo nội dung đề án đã được phê duyệt.

3. Viên chức có thể được cử là người đại diện theo ủy quyền nhiều lần.

Điều 27. Viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp

1. Căn cứ nội dung phê duyệt đề án thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật ra quyết định cử viên chức đủ điều kiện tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp. Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Quyết định cử viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, chế độ làm việc, lương, thưởng, phụ cấp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập nơi làm việc và đối với doanh nghiệp tham gia quản lý, điều hành căn cứ theo nội dung đề án đã được phê duyệt.

3. Viên chức có thể được cử tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp nhiều lần.

Điều 28. Trách nhiệm quản lý viên chức

1. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật có thẩm quyền thay đổi, chấm dứt vai trò của viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; chịu trách nhiệm theo nội dung đề án đã được phê duyệt và quy định pháp luật về viên chức.

2. Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp viên chức là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thẩm quyền thay đổi, chấm dứt vai trò của viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; chịu trách nhiệm theo nội dung đề án đã được phê duyệt và quy định pháp luật về viên chức.

Điều 29. Nghĩa vụ của viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp, viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp

Viên chức là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại doanh nghiệp, viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp và trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được xác định trong nội dung đề án thành lập hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp đã được phê duyệt.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÂN LỰC, NHÂN TÀI TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 30. Chức danh khoa học và chức danh công nghệ

1. Chức danh khoa học bao gồm:

- a) Trợ lý nghiên cứu (hạng IV);
- b) Nghiên cứu viên (hạng III);
- c) Nghiên cứu viên chính (hạng II);

d) Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I).

2. Chức danh công nghệ bao gồm:

a) Kỹ thuật viên (hạng IV);

b) Kỹ sư (hạng III);

c) Kỹ sư chính (hạng II);

d) Kỹ sư cao cấp (hạng I).

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tiêu chuẩn đối với các chức danh khoa học và chức danh công nghệ.

Điều 31. Tuyển dụng vào viên chức đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ, được xét tiếp nhận vào viên chức và hưởng các chế độ chính sách tương ứng, không phải thực hiện chế độ tập sự.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét tiếp nhận vào viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

Điều 32. Bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác

1. Viên chức đang giữ chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ có học vị tiến sĩ hoặc có công trình xuất sắc, giải thưởng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xem xét bổ nhiệm vào chức danh cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

2. Thành tích, kết quả xuất sắc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem xét gồm:

a) Được cấp bằng tiến sĩ;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư;

c) Đạt giải thưởng uy tín trong nước, quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Có bài báo khoa học được công bố trên tạp chí quốc tế, trong nước có uy tín hoặc sách chuyên khảo hoặc giáo trình được xuất bản;

e) Là tác giả sáng chế hoặc giống cây trồng được bảo hộ;

g) Là giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm dự án hoặc công trình hoặc đồ án phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ hoặc các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Mỗi thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ được sử dụng một lần để xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác thực hiện theo quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn chi tiết về thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

Điều 33. Nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Viên chức giữ chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ trong thời gian giữ bậc lương hiện tại được đánh giá, xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không bị xử lý kỷ luật, được xem xét nâng lương vượt bậc nếu đạt được một trong các thành tích sau:

a) Chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt đã được đánh giá cuối kỳ đạt kết quả và mục tiêu đề ra;

b) Được tặng Huân chương của Nhà nước Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động;

d) Được tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc.

2. Cá nhân đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét nâng lương vượt bậc tối đa không quá 02 bậc lương và không được xét nâng lương vượt bậc hai lần liên tiếp.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quyết định nâng lương vượt bậc đối với viên chức giữ các chức danh khoa học, chức danh công nghệ theo quy định.

Điều 34. Ưu đãi đối với cá nhân có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoạt động trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Viên chức khoa học, công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng các chính sách, chế độ như người có chức danh tương đương trong cơ sở giáo dục đại học công lập nếu các chính sách, chế độ đó có lợi hơn.

Điều 35. Tài trợ nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ

Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ được xem xét tài trợ hoạt động nghiên cứu từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 36. Tài trợ nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xem xét tài trợ kinh phí để chủ động thực hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có tính đột phá, tiềm năng ứng dụng cao, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 37. Ưu đãi chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài

1. Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quy trình thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam thực hiện theo quy trình tuyển chọn chuyên gia tại Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 38. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phù hợp với kế hoạch phát triển nhân lực của đơn vị;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực trình độ đại học, sau đại học phù hợp với định hướng ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc, nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

a) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động: đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu; đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia lĩnh vực chiến lược, trọng điểm; nghiên cứu sau tiến sĩ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học;

c) Việc đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức trong nước hoặc nước ngoài theo hình thức: đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn; thông qua thực tập, làm việc có thời hạn tại tổ chức khoa học và công nghệ uy tín hoặc thông qua tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mục 2

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG, KỸ SƯ TRẺ TÀI NĂNG

Điều 39. Nhà khoa học trẻ tài năng

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có lý lịch rõ ràng, đạo đức tốt;

b) Không vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 14 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

Nhà khoa học trẻ tài năng là công dân Việt Nam dưới 35 tuổi, có trình độ tiến sĩ, đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt giải thưởng uy tín trong nước, quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Là tác giả chính của ít nhất 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đã được đánh giá cuối kỳ đạt kết quả và mục tiêu đề ra;

d) Trường hợp hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: có tối thiểu 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có mã số ISSN thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm, trong đó có ít nhất 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chính sách ưu đãi đối với nhà khoa học trẻ tài năng

a) Được ưu tiên tuyển dụng vào viên chức;

b) Được tạo điều kiện hình thành nhóm nghiên cứu mạnh và bố trí kinh phí để triển khai các ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn với các nội dung chi theo quy định về chi thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Được ưu tiên cử đi và chi trả kinh phí thực tập, làm việc ngắn hạn ở nước ngoài;

d) Được cơ quan có thẩm quyền xem xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Được hưởng các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thực hiện chính sách ưu đãi đối với nhà khoa học trẻ tài năng thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 40. Kỹ sư trẻ tài năng

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có lý lịch rõ ràng, đạo đức tốt;

b) Không vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 14 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

Kỹ sư trẻ tài năng là công dân Việt Nam dưới 35 tuổi, có trình độ từ đại học trở lên, đang làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là chủ nhiệm, thành viên chính hoặc kỹ sư trưởng của dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi nhận hoặc khen thưởng;

b) Là tác giả của ít nhất 01 sáng chế được bảo hộ đã được ứng dụng thực tế và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt;

c) Có vai trò chủ chốt trong thiết kế, chế tạo, thử nghiệm thành công sản phẩm kỹ thuật có tính mới, tính ứng dụng cao; hoặc là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Là người sáng lập hoặc đồng sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên công nghệ mới, đã gọi vốn thành công từ các quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc có sản phẩm được thị trường chấp nhận và tạo ra doanh thu đáng kể.

3. Chính sách ưu đãi đối với kỹ sư trẻ tài năng

a) Được ưu tiên tuyển dụng vào viên chức, được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng; phụ cấp tăng thêm không dùng để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Được tạo điều kiện hình thành nhóm nghiên cứu mạnh và bố trí kinh phí để triển khai các ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn với các nội dung chi theo quy định về chi thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Được ưu tiên cử đi và chi trả kinh phí thực tập, làm việc ngắn hạn ở nước ngoài; hỗ trợ chi trả kinh phí đào tạo, nâng cao trình độ ở nước ngoài;

d) Được cơ quan có thẩm quyền xem xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thực hiện chính sách ưu đãi đối với kỹ sư trẻ tài năng thuộc thẩm quyền quản lý.

Mục 3

THU HÚT, TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 41. Chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân tài được hưởng các chính sách thu hút, trọng dụng sau:

a) Hưởng mức lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động đối với nhân tài, bảo đảm tương xứng với nhiệm vụ được giao và phù hợp với mặt bằng tiền lương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng trên thị trường lao động;

b) Được thưởng hằng năm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với mức tối đa không quá 06 tháng tiền lương theo hợp đồng;

c) Được hỗ trợ ban đầu 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động để ổn định chỗ ở, di chuyển, mua sắm thiết yếu;

d) Được chi trả kinh phí đi nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cử theo yêu cầu nhiệm vụ;

đ) Được chi trả kinh phí tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại Việt Nam;

e) Được tổ chức khoa học và công nghệ công lập xem xét, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý mà không cần đáp ứng điều kiện về thời gian công tác, quy hoạch và các điều kiện khác theo quy định nếu tổ chức có nhu cầu;

g) Được bố trí chỗ ở phù hợp;

h) Được vinh danh, đề cử tặng các giải thưởng, danh hiệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật;

i) Hằng năm, được hỗ trợ kinh phí tối đa 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động để nghỉ dưỡng;

k) Được cung cấp gói chăm sóc sức khỏe tự nguyện cho nhân tài và gia đình (gồm vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi) theo năm với mức không quá 02% tiền lương một năm theo hợp đồng lao động của nhân tài;

l) Ưu tiên xét tuyển vào cơ sở giáo dục công lập tại địa bàn cư trú đối với con dưới 18 tuổi.

2. Nhân tài thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, ngoài các ưu đãi tại khoản 1 Điều này, được hưởng các chính sách sau:

a) Được bảo đảm kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở nghiên cứu công nghệ cao, hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia;

b) Được chi trả kinh phí thuê trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhân tài thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ, ngoài các ưu đãi tại khoản 1 Điều này, được hưởng các chính sách sau:

a) Được chi trả kinh phí tham gia các hội chợ công nghệ lớn trên thế giới theo yêu cầu nhiệm vụ;

b) Được chi trả kinh phí thuê trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nhân tài thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo ngoài các ưu đãi tại khoản 1 Điều này, được hưởng các chính sách sau:

a) Được chi trả kinh phí tham gia các sự kiện, hội nghị, diễn đàn khởi nghiệp quốc tế để quảng bá sản phẩm, kết nối với nhà đầu tư và đối tác theo yêu cầu nhiệm vụ;

b) Được chi trả kinh phí để tổ chức các chương trình kết nối với chuyên gia, nhà đầu tư trong và ngoài nước để quảng bá, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường theo yêu cầu nhiệm vụ.

5. Nhân tài thực hiện nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội, ngoài các ưu đãi tại khoản 1 Điều này, được chi trả kinh phí thực hiện khảo sát, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm mô hình quốc tế theo yêu cầu nhiệm vụ.

6. Trên cơ sở tiêu chí về nhân tài quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan, tổ chức sử dụng nhân tài đề xuất kinh phí thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, trình cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xem xét, quyết định.

7. Ngoài chính sách ưu đãi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này, căn cứ vào định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng tâm của quốc gia, địa phương, các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương được chủ động ban hành cơ chế, mức hỗ trợ bổ sung cho nhân tài khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Chương V

GIẢI THƯỞNG CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

ĐẶT GIẢI THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 42. Quy định về việc đặt giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương) đặt giải thưởng để xét tặng cho cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả của công trình có kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mang lại hiệu quả, tác động, ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển ngành, lĩnh vực trong phạm vi chức năng quản lý, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đặt giải thưởng để xét tặng cho cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả của công trình có kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mang lại hiệu quả, tác động, ảnh hưởng tích cực tới hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

3. Việc đặt tên giải thưởng phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên các giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được công bố và sử dụng trước đó;

b) Không sử dụng tên tổ chức, cá nhân khi chưa có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó hoặc của đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Điều 43. Thẩm quyền, trách nhiệm đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các bộ, ngành, địa phương quyết định việc đặt giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng, các nội dung chủ yếu gồm: tên gọi giải thưởng; chu kỳ và thời điểm tổ chức giải thưởng; đối tượng, lĩnh vực xét thưởng; điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng; cơ cấu giải thưởng, mức thưởng; hồ sơ đề nghị xét tặng; quy trình, thủ tục xét tặng; thành phần, nguyên tắc hoạt động của hội đồng xét tặng giải thưởng; các biểu mẫu phục vụ công tác xét tặng giải thưởng (bản đăng ký; báo cáo tóm tắt công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; biên bản họp Hội đồng xét tặng giải thưởng và các biểu mẫu khác; các nội dung khác phù hợp với đặc điểm ngành, lĩnh vực và điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương (nếu có)).

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm gửi Quy chế tới Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi và quản lý.

b) Tổ chức triển khai công tác xét thưởng; công nhận kết quả xét thưởng và công bố, trao giải thưởng theo Quy chế xét tặng giải thưởng và pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc tổ chức xét tặng và trao giải thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân được đặt giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện việc tổ chức xét tặng giải thưởng. Để đặt giải thưởng, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Nghị định này.

3. Cơ quan đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tuân thủ các quy định liên quan đến liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ, quyền nhân thân và quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân được xét tặng; tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng có trách nhiệm quản lý dữ liệu kết quả xét thưởng; thực hiện chế độ báo cáo về công tác xét thưởng theo quy định.

Mục 2
GIẢI THƯỞNG CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 44. Tổ chức xét tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý và điều kiện cụ thể quyết định việc tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quy chế xét tặng giải thưởng.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng giải thưởng và tiền thưởng được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Chu kỳ và thời điểm tổ chức giải thưởng, thời điểm công bố và trao thưởng do bộ, ngành, địa phương quyết định, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tặng giải thưởng, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm báo cáo kết quả xét tặng về Bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi và quản lý.

Điều 45. Điều kiện xét tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả được đề nghị xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 14 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tuân thủ các quy định liên quan đến liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Có công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Thuộc lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, hoặc được thực hiện tại địa phương và phục vụ trực tiếp sự phát triển của bộ, ngành hoặc cho sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương;

b) Đã được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng;

c) Điều kiện khác do bộ, ngành, địa phương quy định (nếu có).

Điều 46. Tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bộ, ngành, địa phương quy định tiêu chuẩn đánh giá công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phù hợp với điều kiện thực tiễn. Các tiêu chuẩn để đánh giá công trình được đề nghị xét tặng giải thưởng:

1. Tính mới

Kết quả nghiên cứu của công trình không sao chép, trùng lặp, chưa từng được công bố trước đó, hoặc đưa ra phương pháp tiếp cận mới đối với các vấn đề đã biết.

2. Tính sáng tạo

Công trình phải thể hiện sự sáng tạo thông qua việc đề xuất các giải pháp mới, độc đáo hoặc cải tiến đáng kể so với các nghiên cứu, công nghệ hoặc phương pháp hiện có.

3. Tính hiệu quả

Công trình bổ sung được tri thức mới hoặc có những phát hiện khoa học mới có tác động thay đổi trong sản xuất và đời sống xã hội hoặc được sử dụng làm căn cứ khoa học cho việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

Công trình góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn, có tác động tích cực, điển hình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hội nhập quốc tế, phục vụ trực tiếp sự phát triển của bộ, ngành, địa phương.

4. Khả năng áp dụng thực tiễn

Công trình phải có tính khả thi cao, dễ dàng triển khai, áp dụng hoặc nhân rộng trong thực tế, đồng thời phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội và công nghệ hiện tại.

Điều 47. Hồ sơ, quy trình và thủ tục xét tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng:

- a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng (bản chính);
- b) Báo cáo tóm tắt công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bản chính);
- c) Tài liệu chứng minh việc công bố hoặc bản chính văn bản xác nhận kết quả ứng dụng công trình;
- d) Tài liệu khác liên quan đến công trình (nếu có).

2. Quy trình và thủ tục xét tặng giải thưởng do bộ, ngành, địa phương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Nghị định này.

Điều 48. Thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng xét tặng giải thưởng được thành lập để tổ chức đánh giá, lựa chọn các công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thành phần của Hội đồng được quy định như sau:

a) Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Các thành viên là nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu lĩnh vực của công trình đề nghị xét tặng giải thưởng. Số lượng thành viên Hội đồng do bộ, ngành, địa phương quyết định;

b) Thành viên Hội đồng không được có quyền lợi, lợi ích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả được đề nghị xét tặng, hoặc có lý do khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, minh bạch trong quá trình xét chọn;

c) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền thành lập Hội đồng có thể mời đại diện của cơ quan, tổ chức đã ứng dụng công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến tham dự phiên họp của Hội đồng để cung cấp thêm thông tin, ý kiến chuyên môn.

2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc công bằng, dân chủ, khách quan; việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Cuộc họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên tham dự. Cuộc họp phải do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản chủ trì;

c) Công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đề nghị xét tặng giải thưởng phải đạt được tỷ lệ ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp bỏ phiếu đồng ý. Trường hợp các công trình được đề nghị có tỷ lệ phiếu đồng ý bằng nhau và vượt quá cơ cấu giải thưởng (nếu có), Hội đồng tổ chức bỏ phiếu lại để lựa chọn.

Điều 49. Quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả được tặng giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả được tặng giải thưởng có quyền:

a) Được nhận Bằng chứng nhận giải thưởng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Được nhận tiền thưởng không vượt quá một trăm (100) lần mức lương cơ sở cho mỗi giải thưởng;

c) Hưởng các quyền lợi khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế xét tặng giải thưởng.

2. Cá nhân, tập thể là tác giả, đồng tác giả được tặng giải thưởng có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác xét tặng, lưu trữ, tổng hợp, thống kê và công bố thông tin liên quan đến giải thưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không được sử dụng danh hiệu, giải thưởng vào các mục đích vi phạm pháp luật hoặc trái với thuần phong mỹ tục;

d) Trả lại hiện vật và tiền thưởng khi vi phạm Quy chế xét thưởng và quy định của pháp luật theo quyết định thu hồi giải thưởng của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3

GIẢI THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 50. Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được quyền đề xuất việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng bao gồm:

a) Đơn đăng ký (bản chính) theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng, bao gồm các nội dung: tên giải thưởng, chu kỳ và thời điểm tổ chức giải thưởng; đối tượng, lĩnh vực xét thưởng; điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng; cơ cấu giải thưởng, mức thưởng; hồ sơ đề nghị xét tặng; quy trình, thủ tục xét tặng; thành phần, nguyên tắc hoạt động của hội đồng xét tặng giải thưởng.

3. Quy trình thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức hoặc nơi cá nhân cư trú hoặc nộp trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng. Trường hợp không chấp thuận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 51. Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam được quyền đề xuất việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

2. Hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng bao gồm:

a) Đơn đăng ký (bản chính) theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng, bao gồm các nội dung: tên giải thưởng, đối tượng được xét tặng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng, quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng, thời gian tổ chức xét tặng;

c) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có công chứng theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia đến Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do bằng văn bản;

c) Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày;

d) Quá thời hạn 10 ngày, nếu không nhận được ý kiến phản hồi, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành xử lý hồ sơ theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Điều khoản áp dụng chính sách

1. Trường hợp nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ tại các quy định khác nhau thì được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất theo đề xuất của cơ quan, tổ chức sử dụng nhân lực.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của tổ chức khoa học và công nghệ cấp trên trực tiếp tại Quy chế quản lý nội bộ của tổ chức.

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các quy định tại các văn bản sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

c) Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

d) Khoản 2, khoản 3 Điều 1, khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, các Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

3. Đối với việc xét tiếp nhận vào viên chức khoa học và công nghệ không qua thi tuyển; xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác; xem xét áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học trẻ tài năng; việc thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc tổ chức xét hoặc đã nhận hồ sơ để xem xét trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP, Nghị định số 87/2014/NĐ-CP, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP.

4. Các giải thưởng về khoa học và công nghệ đã triển khai, công bố kế hoạch tổ chức xét tặng giải thưởng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành liên quan đến giải thưởng đó cho đến khi hoàn thành công tác xét tặng giải thưởng.

Điều 54. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, theo dõi.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức; gửi báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ quan quản lý cấp trên trước ngày 15 tháng 02 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 55. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 70

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 263/2025/NĐ-CP
Ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)*

1. Mẫu số 01/KHCN: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập
2. Mẫu số 02/KHCN: Đơn đăng ký đặt và tặng Giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mẫu số 01/KHCN

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ:.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO**
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
CỦA TỔ CHỨC NĂM...*(Dùng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập
báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)***I. Đánh giá chung**

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức theo quy định tại Nghị định số ngày / /2025 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng viên chức và người lao động:

a) Về tổ chức bộ máy: Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc, nhóm nghiên cứu mạnh; số tầng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy.

b) Về số lượng viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số viên chức... người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người; số nhân sự đồng cơ hữu người)

- Tổng số viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm viên chức, lao động hợp đồng, nhân sự cơ hữu của tổ chức.

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

d) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế hoạt động nội bộ.

đ) Tình hình thực hiện cơ chế tự kiểm soát của tổ chức

2. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của tổ chức

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí: Thu theo quy định tại Thông tư số.... và quản lý, sử dụng theo Thông tư số... của Bộ Tài chính.

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.

- Khoản thu do nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...

- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)

- + Dự toán thu:.... triệu đồng

- + Số thực hiện:.... triệu đồng.

- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

- + Dự toán chi... triệu đồng

- + Số thực hiện.... triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện):..... triệu đồng.

- Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm:... triệu đồng; số chi quỹ trong năm:... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau:... triệu đồng.

d) Về chi trả lương, thu nhập trong năm

- Tổng chi lương của đơn vị:.... triệu đồng

- Lương bình quân của người lao động trong tổ chức:... triệu đồng/tháng; trong đó: Người có lương cao nhất:... triệu đồng/tháng; người có lương thấp nhất:... triệu đồng/tháng.

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của tổ chức:.... triệu đồng
- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong tổ chức:... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất:... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:... triệu đồng/tháng.

d) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

e) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ vay... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

g) Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

3. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hợp tác quốc tế

a) Về cử viên chức, người lao động tham dự hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo, nghiên cứu khảo sát, trao đổi học thuật và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài.

b) Về mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực và các hoạt động chuyên môn khác tại tổ chức.

c) Về thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại tổ chức.

d) Về ký kết và thực hiện hợp đồng thực hiện dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

4. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về liên doanh, liên kết

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

III. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

Biểu mẫu báo cáo kèm theo

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ,
TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM NĂM...**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
3	Số nhân sự đồng cơ hữu				
II	Tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng			
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>				
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
7	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>				
IV	Chi thường xuyên				
1	Chi tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương				
	Tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng			
	Tiền lương cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Tiền lương thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên				
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
1	Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				
2	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
3	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
4	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
5	Trích Quỹ khác (nếu có)				
6	Thu nhập tăng thêm của các tổ chức	triệu đồng			
	Thu nhập tăng thêm bình quân	Triệu đồng/tháng			

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
VI	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02/KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẶT VÀ TẶNG GIẢI THƯỞNG
VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi:

1. Thông tin tổ chức/cá nhân đăng ký giải thưởng:

Đối với tổ chức

Tên tổ chức:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E-mail:

Số Quyết định thành lập:

Lĩnh vực đăng ký hoạt động chính (đăng ký kinh doanh):

.....

Họ và tên người đứng đầu tổ chức:

Đối với cá nhân

Họ và tên: Quốc tịch:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi ở hiện nay:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E-mail:

2. Đăng ký giải thưởng:

2.1. Tên giải thưởng:

(Trường hợp đăng ký giải thưởng sử dụng tên của tổ chức, cá nhân, hồ sơ đăng ký phải kèm theo văn bản đồng ý của tổ chức, cá nhân đó hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan có thẩm quyền.)

2.2. Ý nghĩa của giải thưởng:

.....

2.3. Lĩnh vực đăng ký giải thưởng:

- 2.4. Mục đích đặt và tặng giải thưởng:
- 2.5. Quy mô giải thưởng:
- 2.6. Nguồn kinh phí:
- 2.7. Đối tượng áp dụng cho giải thưởng:
- 2.8. Tóm tắt nguyên tắc, điều kiện xét tặng, tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng:...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(Kèm theo dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng)

Tôi/Chúng tôi cam kết:

- Tên giải thưởng mới không trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được đặt, tặng;
- Tổ chức, cá nhân (hoặc người đại diện hợp pháp) hoặc cơ quan có thẩm quyền đã đồng ý cho tôi/chúng tôi sử dụng tên của tổ chức, cá nhân đó để đặt tên giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo *(trường hợp đăng ký giải thưởng sử dụng tên của tổ chức, cá nhân)*;
- Không xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)